

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 11 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Oanh

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐ-HPT ngày 06/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1960

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1961

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình

Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bà L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Ninh huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào ngày 11/02/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Đến năm 2005,

vợ chồng phát mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, trong gia đình không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông H thấy không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng với bà L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 01/11/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là bà Lê Thị L* trình bày: Vợ chồng ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Ninh huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào ngày 11/02/1998. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông H xin ly hôn, bà L đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 01/11/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có: Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 148,2m² tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc N và bà Lại Thị H nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 585 tờ bản đồ số 09 diện tích 111m², tại Ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 148,2m² tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình bà L có nguyện vọng để lại cho con trai Nguyễn Phương N và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất số 585 tờ bản đồ số 09 diện tích 111m², tại Ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên hòa giải ngày 04/9/2024, ông H trình bày: Vợ chồng ông có tài sản chung là nhà đất có số thửa 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 171m² tại thôn Tây Hòa, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và thửa đất số 585 tờ bản đồ số 09 diện tích 111m², tại Ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Nhà đất tại thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17, diện tích 171m² tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, ông H đề nghị để lại cho con trai là Nguyễn Phương N và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thửa đất số 585 tờ bản đồ số 09 diện tích 111m², tại Ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 12/9/2024, ông H xin thay đổi nội dung hòa giải tài sản là đất và nhà, ông H không yêu cầu Tòa án chia và không cho ai cả vì ông H già rồi, chỉ có một căn nhà, nếu cho con nhà và đất thì ông H không còn chỗ để ở.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, công nhận thuận tình ly hôn cho ông H và bà L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 01/11/2001 đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông H và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Ninh huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng từ nhiều năm nay không được hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, nghi ngờ nhau có quan hệ với người khác. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Ông H và bà L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp cuộc sống vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa ông H và bà L là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị L.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 01/11/2001 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Ông H và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị L.

2. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 01/11/2001 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Ông Nguyễn Minh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002166 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, ông Nguyễn Minh H được nhận lại 150.000đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Lê Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà